TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 82/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 6 -2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngát.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Vũ Văn Chương;

2.Ông Nguyễn Văn Hải.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 68/2023/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 45/2023/QĐST-HPT ngày 19-5-2023 và quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 08/2023/QĐ-TĐNTT ngày 22-5-2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Thanh Ph, sinh năm 1990 (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Bà Lê Thị P, sinh năm 1989 (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: đường B, phường 11, thành phố V, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm Thanh Ph trình bày:

Ông và bà Lê Thị P sau thời gian tìm hiểu là khoảng 4-5 tháng thì vợ chồng tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2014 tại địa chỉ đường B, phường 11, thành phố V, tỉnh B. Đến năm 2020 vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố C. Ông và bà P có 02 con chung tên Phạm Tuấn Kh, sinh ngày 06-01-2015 và Phạm Quang H, sinh ngày 12-02-2019.

Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020, đến năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, vợ chồng sống ly thân về mặt tình cảm từ năm 2021 cho đến nay. Nay, xét thấy cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, ông Ph có đơn khởi kiện và yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Ông yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị P.

Về con chung: Ông và bà P có 02 con chung tên Phạm Tuấn Kh, sinh ngày 06-01-2015 và Phạm Quang H, sinh ngày 12-02-2019. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.Tại bản tự khai, bị đơn bà Lê Thị P trình bày:

Bà và ông Ph có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố C vào năm 2015.

Sau khi kết hôn, bà và ông Ph chung sống hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, bà và ông Ph đã sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên bà đồng ý ly hôn với ông Ph.

Về con chung: Bà và ông Ph có 02 con chung tên Phạm Tuấn Kh, sinh ngày 06-01-2015 và Phạm Quang H, sinh ngày 12-02-2019. Khi ly hôn bà đồng ý giao cháu Kh và cháu H cho ông Ph trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3.Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, nhận thấy mâu thuẫn giữa ông Ph và bà Ph là có thật, mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng có thời gian ly thân từ năm 2021 cho đến nay, mục đích hôn nhân không đạt; nguyên đơn yêu cầu ly hôn và bị đơn cũng đồng ý ly hôn nên có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về tài sản chung, nợ chung nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: ông Phạm Thanh Ph yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị P, bà P cư trú tại thành phố V nên xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản

1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa thì thấy:

Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Ph và bà P tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố C và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 12-3-2020 nên hôn nhân là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Ph cương quyết yêu cầu ly hôn vì cho rằng hôn nhân giữa ông và bà P không thể kéo dài, thời gian ly thân, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc cho nhau. Lời trình bày của ông Ph và bà P phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương do đó có cơ sở để khẳng định mâu thuẫn giữa ông Ph và bà P là có thật, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể chung sống với nhau và việc ông Ph yêu cầu ly hôn cũng được bà P đồng ý. Vì vậy, Tòa án ghi nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

[2.2] Về con chung: Ông Phạm Thanh Ph và bà Lê Thị P cùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Tuấn Kh, sinh ngày 06-01-2015 và Phạm Quang H, sinh ngày 12-02-2019.

Ly hôn, ông Ph yêu cầu là người trực tiếp nuôi 02 con chung. Bà P cũng đồng ý để ông Ph là người trực tiếp nuôi 02 con chung. Hội đồng xét xử xét từ khi vợ chồng ly thân, 02 con chung vẫn do trực tiếp ông Ph nuôi dưỡng, chăm sóc; con chung Phạm Tuấn Kh cũng có nguyện vọng được ở với bố. Vì vậy tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao 02 con chung là cháu Kh và cháu H cho ông Ph là người trực tiếp nuôi dưỡng, bà P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở. Bà P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con chung, trên cơ sở yêu cầu của một hoặc các bên đương sự hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật. Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Phạm Thanh Ph phải nộp 300.000 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 2, 3 Điều 36 điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thanh Ph đối với bà Lê Thị P.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Thanh Ph được ly hôn với bà Lê Thị P;

[2].Về con chung: Ông Phạm Thanh Ph và Lê Thị P cùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Tuấn Kh, sinh ngày 06-01-2015 và Phạm Quang H, sinh ngày 12-02-2019;

Ông Phạm Thanh Ph được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Kh và cháu H. Bà Lê Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà P được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, trên cơ sở yêu cầu của một hoặc các bên đương sự hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu giải quyết nên tòa án không xem xét.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Phạm Thanh Ph phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003829 ngày 15-02-2023 của Chi cục Thi hành dân sự thành phố Vũng Tàu. Ông Ph đã nộp đủ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án

dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố C;
- Lưu hồ sơ.

Bùi Thị Ngát